TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HÀ ĐÔNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:**246**/2023/HS-ST
Ngày: 20/9/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Tưởng Thị Huyền**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Cao Biền
Bà Nguyễn Thị Hương Sen

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hường -Thư ký Tòa án nhân dân quận Hà Đông

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông tham gia phiên tòa: Ông Đặng Hoài An - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hà Đông xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:184/2023/TLST-HS ngày 21 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 195/2023/QĐXXST-HS ngày 02/8/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thị Thu H, Sinh năm 1972; HKTT: khu tập thể Bệnh viện tỉnh HT (nay là tổ dân phố số 2, phường QT, quận HĐ, thành phố HN). Nơi ở hiện tại: 33 HĐD, AC, thành phố H, tỉnh TTH. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12. Con ông Nguyễn Thế T, con bà Lý Thị N (đều đã chết). Anh chị em ruột có 3 người, bị cáo là lớn. Chồng: Lê Thanh N1, Sinh năm 1969; con có 01 con, Sinh năm 1994.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo đầu thú bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/12/2022 đến nay, hiện đang tạm giam tại tại Trại tạm giam số 1- Công an thành phố HN. Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

1. Bà Trần Thị H1, Sinh năm 1966; nơi cư trú: số nhà 55 phố NTH, phường QT, quận HĐ, thành phố HN. Vắng mặt.

2.Ông Nguyễn Văn C, Sinh năm 1960; nơi cư trú: H13 khu đấu giá NTN, phường HC, quận HĐ, thành phố HN. Vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Tuyết H2, Sinh năm 1963; Nơi cư trú: P701 chung cư H, phường HC, quận HĐ, thành phố HN. Vắng mặt

4. Bà Nguyễn Thị H3, Sinh năm 1958; Nơi cư trú: CH2408-V3 Victoria, khu đô thị VP, phường PL, quận HĐ, thành phố HN. Có mặt

5. Bà Tiêu Thị S, Sinh năm 1953; nơi cư trú: số 9 NTH, phường QT, quận HĐ, thành phố HN. Vắng mặt

6. Bà Nguyễn Thị Mai H4, Sinh năm 1947; Nơi cư trú: số 35 ngõ 2, HT 2, phường HC, quận HĐ, thành phố HN. Vắng mặt

7. Bà Nguyễn Thị T1, Sinh năm 1959; nơi cư trú: số 27, ngõ 3 phố TND, phường QT, quận HĐ, thành phố HN. Hiện trú tại: số 3, hẻm 5, ngách 29, ngõ GHĐ, tổ 10 PL, HĐ, thành phố HN. Có mặt

8. Bà Nguyễn Thị N1, Sinh năm 1968. Nơi cư trú: số nhà 11 khu tập thể bê tông, ngõ 12 phố NVX, phường QT, quận HĐ, thành phố HN. Có mặt

- ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:** Anh Lê Thanh N2, Sinh năm 1975; địa chỉ: số nhà 19, ngõ 25 đường VP, quận HĐ, thành phố HN. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 11/1994 đến tháng 4/1995, Nguyễn Thị Thu H Sinh năm: 1972, HKTT: Khu tập thể Bệnh viên tỉnh Hà Tây, phường QT quận HĐ, thành phố HN là nhân viên làm tạp vụ của Bệnh viện tỉnh HT (nay là Bệnh viện đa khoa HĐ) đã lợi dụng sự tin tưởng của đồng nghiệp và mọi người sinh sống cùng khu tập thể Bệnh viện tỉnh HT, H lấy lý do cần vốn để kinh doanh và mua đồ cho chồng là anh Lê Thanh Nam mở cửa hàng sửa chữa xe máy và hứa hẹn trả lãi cho mọi người để vay Tiền, Vàng và Đô la Mỹ của 08 người. Sau khi vay được tiền, H không trả được tiền gốc và tiền lãi mà bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản, các lần H chiếm đoạt tài sản cụ thể như sau:

1. Ngày 27/3/1995, Nguyễn Thị Thu H vay của bà Nguyễn Thị Mai H4, Sinh năm: 1947, HKTT: Số 13 NTH, phường QT, quận HĐ, TP HN, làm việc tại Bệnh biện tỉnh HT số tiền 5.000.000 đồng giữa bà H4 và H không viết giấy xác nhận.

2. Ngày 20/3/1995 Nguyễn Thị Thu H vay của bà Tiêu Thị S (Sinh năm: 1953, HKTT: Số 9 NTH, phường QT, quận HĐ, thành phố HN,) số tiền 5.000.000 đồng, giữa bà S và H không viết giấy xác nhận

3. Ngày 27/02/1995, Nguyễn Thị Thu H vay của bà Nguyễn Thị H3, (Sinh năm: 1958, HKTT; CH2408-V3 Victoria, KĐT Văn Phú, phường Phú La, quận HĐ,

thành phố HN), làm việc tại Bệnh viện tỉnh HT số tiền 10.000.000 đồng và 300 USD, H có ghi xác nhận vay tiền vào sổ của bà H3.

4. Ngày 03/03/1995 Nguyễn Thị Thu H vay của bà Nguyễn Thị T1 (Sinh năm: 1959, HKTT: Số 27, ngõ 3 TND, phường QT, quận HĐ, thành phố HN) làm việc tại Bệnh viện tỉnh HT số tiền là 10.000.000 đồng, có ghi giấy biên nhận, hẹn ngày 06/3/1995 sẽ trả là 2,34 cây vàng, sau khi bị H chiếm đoạt bà T1 gửi đơn tố giác đến Cơ quan Cảnh sát điều tra đồng. Công an tỉnh HT và tự quy đổi là 2,34 cây vàng thành số tiền là 12.168.000

5. Khoảng đầu năm 1995 Nguyễn Thị Thu H vay của bà Trần Thị H1, (Sinh năm: 1966, HKTT: 55 NTH, phường QT, quận HĐ, HN) số tiền là 9.000.000 đồng và 0,8 cây vàng có ghi giấy biên nhận, sau đó H vay thêm 14.000.000 đồng nhưng không ghi giấy. Khi gửi đơn tố giác đến Công an tỉnh Hà Tây, bà H1 tự quy đổi 0,8 cây vàng trị giá là 4.000.000 đồng cộng với 23.000.000 đồng. Tổng số là 27.000.000 đồng.

6. Ngày 7/03/1995 Nguyễn Thị Thu H vay của ông Nguyễn Văn C, (Sinh năm 1960, HKTT: Khu đấu giá NTN, phường QT, quận HĐ, HN) làm việc tại Viện quy hoạch mỏ 04 cây vàng không ghi giấy biên nhận. Khi làm đơn tố giác gủi cơ quan điều tra ông C tự quy đổi 04 cây vàng trị giá thành số tiền là 20.800.000đ.

7. Khoảng tháng 02/1995 Nguyễn Thị Thu H vay của bà Nguyễn Thị Tuyết H2, (Sinh năm: 1963, HKTT: Số 17 NTH, phường QT, quận HĐ, HN) làm việc tại Bệnh viện tỉnh HT số tiền là 25.000.000 đồng và 1.900 USD không ghi giấy biên nhận. Khi làm đơn tố giác gửi cơ quan điều tra bà H2 tự quy đổi 1900 USD và 25.000.000 đồng thành tổng số tiền là 46.000.000 đồng.

8. Ngày 15/03/1995 Nguyễn Thị Thu H vay của bà Nguyễn Thị N1, trú tại khu tập thể Bệnh viện tỉnh HT số tiền là 18.600.000 đồng và 1,1 cây vàng, giữa H và bà N1 có ghi giấy biên nhận. Khi làm đơn tố giác đến Cơ quan điều tra bà N1 tự quy đổi 1,1 cây vàng và 18.600.000 đồng thành tổng số tiền là 24.320.000 đồng.

Ngày 02/4/1994 và ngày 05/4/1995 những người bị hại là bà Nguyễn Thị Mai H4, bà Tiêu Thị S, bà Nguyễn Thị H3, bà Nguyễn Thị T1, bà Trần Thị H1, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Tuyết H2 và Nguyễn Thị N1 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh HT trình báo vụ việc.

Ngày 08/5/1995 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh HT ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Thị Thu H về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Công dân, sau khi phạm tội H bỏ trốn, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Lệnh truy nã đối với Nguyễn Thị Thu H và tạm đình chỉ điều tra vụ án, tạm đình chỉ điều tra bị can.

Ngày 28/12/2022 Nguyễn Thị Thu H đến Công an phường QT, quận HĐ đầu thú khai nhận hành vi phạm tội.

Ngày 08/02/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận HĐ ra quyết định trưng C giám định đối với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị Thụ H trên giấy xác nhận vay tiền của bà Nguyễn Thị H3.

Tại bản kết luận giám định số 1463/KL-KTHS ngày 17/3/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố HN kết luận:

1.Chữ viết có nội dung: Cháu H vay cô H3 mười triệu đồng ngày 3/3/95 và chữ ký phía dưới chữ viết mẫu cần giám định ký hiệu A với chữ ký, chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Thị Thu H trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là chữ do cùng một người viết và ký ra.

2.Chữ viết có nội dung " Hẹn 1 tháng trả" trên mẫu cần giảm định ký hiệu A với chữ viết đúng tên Nguyễn Thị Thu H trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 không phải là chữ do cùng một người viết ra.

Ngày 06/3/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận HĐ có Công văn số 230/YC-CQĐT, yêu cầu Ngân hàng nhà nước Việt Nam- Chi nhánh thành phố HN, cung cấp: Quy đổi số tiền 2.200 USD (Đô la Mỹ) và số vàng 8,24 cây vàng (9999) thành tiền Việt Nam đồng vào thời điểm tháng 03 năm 1995.

Ngày 17/3/2023 Ngân hàng nhà nước Việt Nam - Chi nhánh thành phố HN có công văn số 675/HAN-QLNH trả lời:

1. Về tỷ giá giao dịch ngoại tệ giữa đồng Việt Nam và đồng Đô la Mỹ. Ngân hàng nhà nước Việt Nam – Chi nhánh thành phố HN cung cấp tỷ giá tháng 3 năm 1995 giữa Đồng Việt Nam và Đô La Mỹ là 11.006 đồng.

2. Về tỷ giá Vàng 9999 Ngân hàng nhà nước Việt Nam không công bố giá vàng. Giá vàng do các đơn vị kinh doanh trong nước tự niêm yết.

Ngày 12/4/2023 Cơ quan điều tra có công văn số 377/YC- CQĐT(ĐTTH) gửi Cục quản lý giá- Bộ Tài chính, yêu cầu cung cấp: Quy đổi số vàng 8,24 cây vàng (9999) thành tiền Việt Nam đồng vào thời điểm tháng 03 năm 1995 là bao nhiêu tiền? Nếu không quy đổi được giá trị vào tháng 3 năm 1995 thì quy đổi vào năm 1995 cụ thể là bao nhiêu tiền?

Ngày 28/4/2023 Cục Quản lý giá Bộ Tài chính có văn bản số 171/QLG-QLTĐG, trả lời: Cục Quản giá không quản lý về giá vàng và kinh doanh ngoại hối.

Ngày 24/4/2023 Cơ quan điều tra có công văn số 455/YC- CQĐT(ĐTTH) gửi Phòng quản lý giá- Sở tài chính thành phố HN, yêu cầu cung cấp: Giá trị 01 chỉ vàng (loại vàng 9999) là bao nhiêu tiền Việt Nam đồng vào thời điểm tháng 03 năm 1995? Nếu không xác định được giá trị vào tháng 3 năm 1995 thì xác định vào năm 1995 cụ thể là bao nhiêu tiền trên một chỉ vàng?

Ngày 01/6/2023 Sở tài chính thành phố HN có văn bản số 3086/STC- QLG, trả lời: Sở Tài chính không quản lý giá vàng, chức năng này thuộc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước, tỉnh, thành phố.

Tại bản kết luận định giá số 52/KL-HĐĐG ngày 28/3/2023 của Hội đồng định giá trong tố tụng quận HĐ, kết luận:

+Giá trị tài sản 8,24 cây vàng loại vàng 9999 không thu giữ được, không xác định được giá trị tại thời điểm tài sản bị chiếm đoạt.

+ Số tiền 2.200 USD (đô la Mỹ không thu giữ được, có văn bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác định tỷ giá chính thức giữa Đồng Việt Nam và Đô La Mỹ tháng 03 năm 1995 kèm theo là 24.213.200 đồng.

Căn cứ vào đơn trình báo của những người bị hại gửi đơn tố cáo bị cáo H năm 1995, những người bị hại tự quy đổi tổng cộng 8,24 cây vàng 9999 thành tiền là 42.688.600đ. Như vậy, Nguyễn Thị Thu H chiếm đoạt của 08 người gồm có 86.688.600 đồng, 2.200 Đô La Mỹ quy đổi là 24.213.200 đồng và 8,24 cây vàng 9999 quy đổi là 42.688.600 đồng. Tổng số tiền Nguyễn Thị Thu H chiếm đoạt là 153.589.800 đồng.

Trách nhiệm dân sự: Anh Lê Thanh N2 là em chồng của bị cáo Nguyễn Thị Thu H, đã bồi thường cho bà Nguyễn Thị Tuyết H2 là 46.000.000 đồng, bà Trần Thị H1 là 27.000.000 đồng, ông Nguyễn Văn C 20.800.000 đồng, bà Nguyễn Thị H3 là 13.000.000, bà Tiêu Thị S là 5.000.000 đồng và bà Nguyễn Thị Mai H4 là 5.000.000 đồng. Các bị hại trên đã nhận đủ tiền, không có yêu cầu gì khác về trách nhiệm dân sự và đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với Nguyễn Thị Thu H.

Đối với bị hại bà Nguyễn Thị T1 yêu cầu Nguyễn Thị Thu H phải bồi thường trả cho bà T1 số vàng là 2,34 cây vàng loại Vàng 9999, còn nếu thanh toán bằng tiền, thì phải thanh toán trả bà số tiền là 120.000.000 đồng.

Đối với bị hại bà Nguyễn Thị N1 quá trình điều tra bà N1 vắng mặt nên cơ quan điều tra chưa lấy được lời khai của bà N1.

Tại Cáo trạng số 183/CT-VKS-HĐ ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận HĐ truy tố Nguyễn Thị Thu H về tội: Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Thu H khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng truy tố, bị cáo thừa nhận có vay tiền của 8 người bị hại, rồi bỏ trốn. Sau khi bị cáo ra đầu thú, gia đình bị cáo đã khắc phục thay cho bị cáo trả được cho 6 người bị hại, hiện còn 2 người bị hại chưa trả được, bị cáo sẽ có trách nhiệm trả tiền cho bà T1 và bà N1. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bị hại bà Nguyễn Thị T1 trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu H phải trả bà 2,34 cây vàng, ở cơ quan điều tra bà đã quy đổi thành tiền là 120.000.000đ. Nay giá vàng có tăng hơn so với thời điểm bà yêu cầu ở cơ quan điều tra nhưng bà vẫn chỉ yêu cầu bị cáo trả bà 120.000.000đ. Nếu bị cáo đồng ý trả nợ cho bà như đề nghị thì bà đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo.

Bà Nguyễn Thị H3 trình bày: Bà đã nhận đủ tiền do gia đình bị cáo bồi thường, bà không có đề nghị gì về phần dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bà Nguyễn Thị N1 trình bày: Bà cho bị cáo H vay 18.600.000 đồng và 1,1 cây vàng, giữa bà và bị cáo có ghi giấy biên nhận. Khi làm đơn tố giác bị cáo H đến Cơ quan điều tra bà N1 tự quy đổi 1,1 cây vàng và 18.600.000 đồng thành tổng số tiền là 24.320.000 đồng. Nay bà đề nghị bị cáo trả cho bà tổng số là 24.000.000đ. Địa chỉ của bà trước đây đã thay đổi nên bà không được cơ quan điều tra mời lên làm việc, bà không có khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, bà đồng ý với nội dung Bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo H. Bà đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Thanh N2 trình bày: Anh là em chồng của bị cáo H, anh đã trả nợ thay bị cáo H cho 6 người bị hại, anh không đề nghị bị cáo H phải trả cho anh số tiền anh đã khắc phục.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận HĐ duy trì quyền công tố: Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu H từ 4 năm 6 tháng đến 5 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/12/2022;

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Đối với những người bị hại là bà Nguyễn Thị Tuyết H2, bà Tiêu Thị S, bà Nguyễn Thị H3, bà Nguyễn Thị Mai H4, bà Trần Thị H1, ông Nguyễn Văn C gia đình bị cáo đã bồi thường xong và họ không có đề nghị gì về phần dân sự nên không xem xét.

Đối với yêu cầu của bà T1 đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo trả cho bà số tiền 120.000.000đ tương đương với 2,34 cây vàng, bà Nguyễn Thị N1 đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo bồi thường cho bà 1,1 cây vàng và 18.600.000đ, quy ra tiền ở thời điểm năm 1995 là 24 triệu. Bị cáo Nguyễn Thị Thu H đồng ý trả cho bà T1 số tiền 120.000.000đ và trả cho bà N1 số tiền 24.000.000đ. Xét sự thỏa thuận của bị cáo và

người bị hại tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

Bị cáo không tranh luận gì với phần luận tội của Đại diện viện kiểm sát, Lời nói sau cùng: bị cáo rất ăn năn hối hận, bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan điều tra Công an quận HĐ, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận HĐ trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi hoặc quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]Về tội danh và định khung hình phạt: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai người bị hại cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 11/1994 đến tháng 4/1995, Nguyễn Thị Thu H có hành vi vay tiền của những người bị hại, sau đó chiếm đoạt tài sản của 8 người, cụ thể chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Mai H4 là 5.000.000 đồng; của bà Tiêu Thị S là 5.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị H3 là 10.000.000 đồng và 300 đô la Mỹ; bà Nguyễn Thị T1 là 2,34 cây vàng 9999; bà Trần Thị H1 là 23.000.000 đồng và 0,8 cây vàng 9999; ông Nguyễn Văn C là 04 cây vàng 9999; bà Nguyễn Thị Tuyết H2 là 25.088.600 đồng và 1.900 đô la Mỹ và bà Nguyễn Thị N1 là 18.600.000 đồng và 1,1 cây vàng 9999. Tổng số tiền Nguyễn Thị Thu H chiếm đoạt là 153.589.800đ (trong đó có 86.688.600đ, 2.200USD quy đổi là 24.213.200đ và 8,24 cây vàng 9999 quy đổi là 42.688.600đ.

Sau khi phạm tội bị cáo bỏ trốn, ngày 08/5/1995 Công an tỉnh HT đã ra lệnh truy nã đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu H, ngày 08/9/1995 ra quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án, ngày 28/12/2022 bị cáo Nguyễn Thị Thu H ra đầu thú.

Đối với số tiền 2.200USD bị cáo chiếm đoạt của những người bị hại, căn cứ vào Công văn số 675/HAN-QLNH ngày 17/3/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì tỷ giá tháng 3 năm 1995 giữa đồng Việt Nam và Đô La Mỹ là 11.006đ, do vậy số tiền bị cáo chiếm đoạt của người bị hại là 2.200USD được quy đổi ra tiền Việt Nam đồng là 24.213.200đ như nội dung cáo trạng Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo là có căn cứ.

Đối với số lượng 8,24 cây vàng 9999, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, công văn trả lời của các cơ quan chuyên môn thì không có căn cứ quy đổi số

lượng vàng bị cáo chiếm đoạt của những người bị hại, tuy nhiên căn cứ vào đơn trình báo của những người bị hại tại thời điểm tháng 4/1995 quy đổi số vàng thành tiền Việt Nam đồng và lời khai của bị cáo. Do vậy, có đủ căn cứ khẳng định bị cáo chiếm đoạt vàng của những người bị hại là 8,24 cây vàng, quy đổi ra tiền thời điểm năm 1995 là 42.688.000đ như nội dung cáo trạng là có căn cứ.

Như vậy, Nguyễn Thị Thu H đã có hành vi vay tiền, vàng và USD của những người bị hại tổng số là 153.589.800đ sau đó bỏ trốn. Hành vi nêu trên của bị cáo đã cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận HĐ truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, hoang mang lo lắng bất bình trong nhân dân. Sau khi phạm tội bị cáo bỏ trốn, gây khó khăn cho công tác điều tra. Vì vậy, cần có hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo giáo dục đối với bị cáo cũng như đáp ứng yêu cầuầu đấu tranh và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

-Tình tiết tăng nặng: bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

-Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, gia đình bị cáo đã khắc phục bồi thường cho một số người bị hại, người bị hại có đơn đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5]Về áp dụng pháp luật: Bị cáo phạm tội thời điểm Bộ luật hình sự năm 1985 có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 có lợi hơn cho người phạm tội nên áp dụng Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 và các quy định có lợi cho người phạm tội để xét xử đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra anh Lê Thanh N2 là em chồng bị cáo đã bồi thường thay cho những người bị hại là bà Nguyễn Thị Tuyết H2, bà Tiêu Thị S, bà Nguyễn Thị H3, bà Nguyễn Thị Mai H4, bà Trần Thị H1, ông Nguyễn Văn C những người bị hại này đã nhận đủ tiền và không có đề nghị gì về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị N1 tại đơn tố cáo ngày 4/4/1995 bà N1 tố cáo bị cáo H chiếm đoạt của bà số tiền là 18.600.000đ, 1,1 cây vàng , bà N1 quy đổi

ra tiền = 24.320.000đ, quá trình điều tra bà N1 không có mặt để làm rõ yêu cầu. Tại phiên tòa bà N1 nhất trí với bản kết luận điều tra và bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo, bà đề nghị HĐXX buộc bị cáo H phải trả bà số tiền 24.000.000đ, bị cáo H đồng ý. Xét thấy yêu cầu của bà N1 và sự sự thỏa thuận của bị cáo, người bị hại tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu H phải trả cho bà Nguyễn Thị N1 số tiền là 24.000.000đ.

Đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị T1 đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo trả 2,34 cây vàng, trong trường hợp không trả bằng vàng thì buộc bị cáo trả cho bà số tiền 120.000.000đ. Bị cáo H đồng ý trả cho bà T1 120.000.000đ. Theo giá vàng tại thời điểm xét xử ngày 20/9/2023 tại Công ty Cổ phần vàng bạc đá quý ASEAN Chi nhánh HĐ thì giá trị 1 cây vàng 9999 là 56.800.000đ/1 cây. Xét sự thỏa thuận của bị cáo và người bị hại tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu H phải trả cho bà Nguyễn Thị T1 số tiền là 120.000.000đ.

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Thu H phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1- Về tội danh:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Thu H phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

2- Điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51;Điều 38 Bộ luật hình sự; các Điều 45; 46; 106; 136; 260; 268; 269; 299; 326; 327; 329; 331; 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án;

Xử phạt Nguyễn Thị Thu H 05 năm tù**.** Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 28/12/2022,

3- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu H phải bồi thường trả cho những người bị hại cụ thể như sau:

1.Trả cho bà Nguyễn Thị T1 120.000.000đ

2.Trả cho bà Nguyễn Thị N1 24.000.000đ

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật người được T1 hành án có đơn yêu cầu T1

hành án, bên phải T1 hành án phải chịu một khoản tiền lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm T1 hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầuầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4- Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Thu H phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 7.200.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

5- Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo về nội dung có liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTP HN;
- Công an quận HĐ ;
- VKSND quận HĐ;
- Chi cục THADS quận HĐ;
- Bị cáo; bị hại, người có quyền lợi NVLQ
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND phường (xã)nơi bị cáo cư trú;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tưởng Thị Huyền